

Bản án số: 107/2024/HNGĐ-ST

Ngày 7-8-2024

V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Cơ

Bà Trần Thị Tuyết Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 25-4-2024 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-6-2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng B, sinh năm 1988; địa chỉ đăng ký thường trú: Số I ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ hiện trú: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-4-2024 và đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt đề ngày 17-6-2024, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng B trình bày bà và ông Phạm Minh Đ tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2012 ở ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuối năm 2013, giữa bà và ông Đ phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng thiếu gắn bó, mờ nhạt dần. Đến tháng 7/2021, bà và ông Đ ly thân, bà sinh sống ở số I ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang và làm việc tại dịch vụ nấu ăn ở ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, còn ông Đ tiếp tục sinh sống ở ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nay

bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà với ông Đ. Quá trình chung sống bà và ông Đ có một người con chung tên Phạm Như Ý (sinh ngày 10-3-2013) hiện đang sống với bà, bà đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến thành niên và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung giữa bà và ông Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Minh Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, bà B vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Đ vắng mặt không lý do, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không lý do và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà B và ông Đ; về con chung giao cháu Phạm Như Ý (sinh ngày 10-3-2013) cho bà B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của bà B là vụ án hôn nhân và gia đình về “*không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định khoản 1, 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Đ cư trú ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, bà B vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Đ vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà B trình bày bà và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nhưng không có đăng ký kết hôn; ông Đ không có ý kiến về hôn nhân gửi đến Tòa án. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M không có thông tin đăng ký kết hôn giữa bà B và ông Đ. Xét thấy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa bà B và ông Đ từ năm 2012 đến nay mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà **B** trình bày bà và ông **D** có một con chung tên Phạm Như Ý (sinh ngày 10-3-2013) hiện đang sống với bà, nên bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến thành niên và không yêu cầu ông **D** cấp dưỡng cho con. Cháu Phạm Như Ý có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà **B**; ông **D** không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung gửi đến Tòa án. Xét thấy, cần tiếp tục giao cháu Phạm Như Ý cho bà **B** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của bà **B**, ông **D** và nguyện vọng của cháu Như Ý; ông **D** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 15, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; bà **B** không yêu cầu về cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **B** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông **D** không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà **B** phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Hồng B** về không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Trần Thị Hồng B** và ông **Phạm Minh Đ**.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Như Ý (sinh ngày 10-3-2013) cho bà **Trần Thị Hồng B** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đã thành niên; ông **Phạm Minh Đ** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng cho con: Bà **Trần Thị Hồng B** không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Trần Thị Hồng B** trình bày không có, ông **Phạm Minh Đ** không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà **Trần Thị Hồng B** phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004636 ngày 22-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Nhân